

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2595/2007/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010 của cấp huyện và cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 5 tháng 2 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010;

Căn cứ Quyết định số 23/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 05 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010 của cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 179/TTr-LĐTBXH, ngày 07/11/2007 về việc Ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010 của cấp huyện và cấp xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010 của cấp huyện và cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát).

Điều 2. Trách nhiệm báo cáo và thời gian gửi báo cáo:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Chương trình theo hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát định kỳ 6 tháng, hàng năm và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu gửi sở Lao động Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thời gian gửi báo cáo:

- Đối với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo 6 tháng, các địa phương phải báo cáo chậm nhất trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

- Đối với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo năm, các địa phương phải báo cáo chậm nhất trước ngày 10 tháng 12 hàng năm (ước thực hiện tháng 12).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh xã hội, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể của tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Thị Cúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 cấp huyện.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2595/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Nhóm chỉ tiêu theo dõi mục tiêu của chương trình

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp
1. Tổng số hộ gia đình	Theo khái niệm "hộ gia đình" của tổng cục thống kê	31/12	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Phòng TK
2. Số hộ nghèo	Số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo (thành thị, nông thôn)	31/12	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã
3. Số hộ thoát nghèo	Số hộ nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại không phải là hộ nghèo (xem khái niệm hộ nghèo)	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã
4. Số hộ rơi vào nghèo	Số hộ không nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại là hộ nghèo (xem khái niệm hộ nghèo). Chú ý tình trạng hộ nghèo di dân và hộ tái nghèo	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã
5. Số xã nghèo	Theo Khái niệm xã nghèo (TTLT 102) Xã nghèo là xã có trên 25% hộ nghèo	31/12	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã
6. Số xã đặc biệt khó khăn	Số xã được công nhận là xã bãi ngang đặc biệt khó khăn (theo Quyết định của Thủ tướng)	31/12	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện chương trình

2.1. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp
7. Số lượt hộ nghèo được vay vốn	Số lượt hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất trong kỳ	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	NHCSXH huyện, UBND xã
8. Tổng số hộ dư nợ	Tổng số hộ đang dư nợ (hay đang vay vốn) phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	Kết quả	31/12	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	NHCSXH huyện, UBND xã

2.2. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
9. Số hộ nghèo DTTS được hỗ trợ đất sản xuất	Số hộ nghèo nhận được hỗ trợ từ chính sách, dự án (kể cả chuộc đất)	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, Phòng chức năng huyện
10. Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo DTTS	Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo DTTS	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, Phòng chức năng huyện

2.3. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Khuyến nông-lâm và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin

11. Số lượt người được tập huấn, hội nghị đầu bờ,...	Tổng số người nghèo tham gia các hoạt động tập huấn, hội thảo đầu bờ,... của dự án khuyến nông, lâm, ngư phát triển sản xuất trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo (với mục tiêu nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất)	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, UBND xã
12. Số mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Tổng số các mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, UBND xã

2.4. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Phát triển CSHT thiết yếu các xã ĐBK

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
13. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và ĐP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Đầu vào	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ dự án, Phòng Tài chính
14. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Đầu vào	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ dự án, Phòng Tài chính, UBND xã
15. Số xã được hỗ trợ đầu tư	số xã ĐBK vùng bãi ngang, hải đảo nhận được kinh phí đầu tư xây dựng CSHT từ chương trình.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	

16. Tổng số công trình được xây dựng	Tổng số các công trình (dự án) được đầu tư xây dựng trên địa bàn	Kết quả. Trong đó	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã
* Giao thông	Tổng số các công trình (dự án) giao thông (đường, cầu)	công trình	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã
* Thủy lợi	Tổng số các công trình (dự án) thủy lợi (nuông, đập, cống, hồ chứa,...)	công trình	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã
* Trường học, lớp học	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng trường, phòng học	công trình	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã
* Trạm y tế	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng trạm y tế, phòng khám.	công trình	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã
* Chợ	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng chợ, trung tâm thương mại, điểm bán hàng,...	công trình	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã
* Điện	Tổng số các công trình (dự án) điện (đường dây, trạm biến áp, phân phối, thủy điện nhỏ,...).	công trình	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Chủ đầu tư, UBND xã

2.5. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Dạy nghề cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
17. Số người nghèo được hỗ trợ học nghề	Tổng số người nghèo được hỗ trợ học nghề trong khuôn khổ dự án dạy nghề cho người nghèo	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Phòng NV – LĐXH, UBND xã

2.6. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
18. Số mô hình giảm nghèo được xây dựng/nhân rộng	Tổng số mô hình giảm nghèo được đầu tư kinh phí xây dựng (với mục tiêu mô hình mẫu, trình diễn) trên địa bàn.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Phòng NV – LĐXH, UBND xã

2.7. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách Hỗ trợ về y tế cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
19. Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Tổng số người nghèo được cấp thẻ BHYT trong kỳ.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Phòng NV – LĐXH
20. Số người nghèo được cấp thẻ KCB miễn phí	Tổng số người nghèo được cấp thẻ KCB miễn phí.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Phòng NV – LĐXH

2.8. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin

21. Số học sinh nghèo được miễn học phí	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con, em hộ nghèo được miễn (100%) học phí (so với học sinh không nghèo).	Kết quả	Năm học	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	Phòng giáo dục, các cơ sở giáo dục
---	--	---------	---------	------------	------------------------------	------------------------------------

2.9. Các chỉ tiêu theo đối tượng thực hiện Chính sách Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và nước sinh hoạt

a. Về nhà ở

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
22. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và ĐP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Đầu vào	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, các cơ quan liên quan cấp huyện
23. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Đầu vào	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, các cơ quan liên quan cấp huyện
24. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, các cơ quan liên quan cấp huyện
25. Trong đó: Số hộ nghèo dân tộc thiểu số được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, các cơ quan liên quan cấp huyện

b. Về nước sinh hoạt

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
26. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí tạo nguồn nước sinh hoạt	Tổng số hộ nghèo nhận hỗ trợ kinh phí để tạo nguồn nước sinh hoạt trong khuôn khổ chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho hộ nghèo	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, phòng chức năng (nông nghiệp, D.tộc)

2.10. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin
27. Số lượt người nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí	Tổng số người nghèo nhận được ý kiến tư vấn, hướng dẫn về các pháp lý miễn phí từ trợ giúp viên hay cộng tác viên.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, phòng Tư pháp
28. Số lượt trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý được đào tạo, tập huấn	Tổng số người là trợ giúp viên pháp lý trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, phòng Tư pháp

2.11. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án Đào tạo cán bộ giảm nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Loại chỉ tiêu	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin

29. Số báo cáo viên/người trình bày được đào tạo, tập huấn.	Số giảng viên cơ sở (báo cáo viên, trình bày viên) được đào tạo, tập huấn trong khuôn khổ dự án đào tạo cán bộ giảm nghèo.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, phòng NV - LĐXH
30. Số lượt cán bộ được đào tạo tập huấn	Tổng số người là cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ xoá đói giảm nghèo.	Kết quả	12 tháng	UBND huyện	VP UBND huyện, Phòng NV-LĐXH	UBND xã, phòng NV - LĐXH

Hệ Thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẤP XÃ

I. Nhóm chỉ tiêu theo dõi mục tiêu của chương trình

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo
1. Tổng số hộ nghèo tại thời điểm	Số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo (thành thị, nông thôn).	Hộ	31/12	UBND xã
2. Số hộ thoát nghèo trong kỳ	Số hộ nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại không phải là hộ nghèo (xem khái niệm hộ nghèo)	Hộ	12 tháng	UBND xã
3. Số hộ rơi vào nghèo trong kỳ	Số hộ không nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại là hộ nghèo (xem khái niệm hộ nghèo). Chú ý tình trạng hộ nghèo di dân và hộ tái nghèo	Hộ	12 tháng	UBND xã

2. Nhóm chỉ tiêu kết quả thực hiện chương trình

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo
4. Số lượt hộ nghèo được vay vốn tín dụng trong kỳ	Số lượt hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất trong kỳ	Hộ	12 tháng	UBND xã
5. Tổng số hộ nghèo đang dư nợ vốn tín dụng	Tổng số hộ đang dư nợ (hay đang vay vốn) phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	Hộ	12 tháng	UBND xã
6. Số hộ nghèo DTTS được hỗ trợ đất sản xuất	Tổng số hộ nghèo là DTTS nhận được hỗ trợ đất sản xuất trong kỳ (kể cả chuộc đất)	Hộ	12 tháng	UBND xã
7. Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo DTTS	Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo DTTS trong kỳ	Ha	12 tháng	UBND xã

8. Số lượt người được tập huấn, hội nghị đầu bờ,....	Tổng số người nghèo tham gia các hoạt động tập huấn, hội thảo đầu bờ,... của dự án khuyến nông, lâm, ngư phát triển sản xuất trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo (với mục tiêu nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất)	Lượt người	12 tháng	UBND xã
9. Số mô hình khuyến nông, lâm, ngư được xây dựng	Tổng số các mô hình khuyến nông, lâm, ngư được xây dựng, trình diễn trên địa bàn trong kỳ	Mô hình	12 tháng	UBND xã
10. Số người nghèo được hỗ trợ học nghề	Tổng số người nghèo nhận được hỗ trợ học nghề (đào tạo nghề miễn phí, hỗ trợ kinh phí.....) trong kỳ	Người	12 tháng	UBND xã
11. Tổng số công trình được đầu tư, xây dựng	Tổng số các công trình (dự án) được đầu tư xây dựng trên địa bàn trong kỳ	Công trình	12 tháng	UBND xã
* Giao thông		Công trình	12 tháng	UBND xã
* Thủy lợi		Công trình	12 tháng	UBND xã
* Trường học, lớp học		Công trình	12 tháng	UBND xã
* Trạm y tế		Công trình	12 tháng	UBND xã
* Chợ		Công trình	12 tháng	UBND xã
* Điện		Công trình	12 tháng	UBND xã
12. Số mô hình giảm nghèo được xây dựng	Tổng số mô hình giảm nghèo được đầu tư xây dựng trong kỳ	Mô hình	12 tháng	UBND xã